Giảng Ký Địa Tạng — Quyển Thượng — Phần 12

Địa Tạng Bổn Nguyện Kinh Giảng Ký (HT Tịnh Không)

Bạch Phật ngôn: “Thế Tôn, Địa Tạng Bồ Tát, lũy kiếp dĩ lai các phát hà nguyện, kim mông Thế Tôn ân cần tán thán, duy nguyện Thế Tôn lược nhi thuyết chi”. (Bạch đức Phật: “Bạch Thế Tôn, Địa
Tạng Bồ Tát từ nhiều kiếp đến nay đã phát nguyện gì mà nay được Thế Tôn ân cần khen ngợi như thế? Cúi mong đức Thế Tôn lược nói cho”.)

Trong đại hội, Thế Tôn tán thán Địa Tạng Bồ Tát, Định Tự Tại Vương Bồ Tát đâu phải là không biết, đã biết rõ nhưng vẫn hỏi. Vì Ngài biết hội kinh này khi kết tập kinh tạng nhất định sẽ truyền lâu xa, những người chẳng tham gia hội này thấy thái độ đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát, chắc không khỏi hoài nghi. Bồ Tát rốt cuộc có những nguyện gì, có đức hạnh gì mà được Thế Tôn tán thán như vậy? Nhưng những người không tham gia pháp hội phải đi đâu hỏi? Sau này dù cho có những câu hỏi này nhưng cũng chẳng có chỗ để hỏi. Định Tự Tại Vương Bồ Tát từ bi, Ngài biết được, thay thế chúng ta đặt câu hỏi để Thế Tôn nói rõ cho chúng ta biết, đoạn trừ nghi hoặc của chúng ta. Thế nên cách đặt câu hỏi này trong kinh Phật gọi là “câu hỏi đem lại lợi lạc cho hữu tình”, đáng để chúng ta học tập. Có khi chúng ta chẳng có nghi hoặc nhưng nghĩ đến người khác có thể nghi hoặc thì cũng phải đặt câu hỏi. Đặc biệt là ngày nay chúng ta lợi dụng phương pháp khoa học, giảng kinh, diễn giảng gì cũng thâu hình, thâu âm rồi phổ biến lưu thông, cho nên nghe kinh không nhất định phải ở hiện trường, có thể phía ngoài hiện trường người nghe càng nhiều hơn, chẳng thể thống kê. Nếu họ có nghi hoặc thì đi đâu để hỏi? Thế nên đặt những câu hỏi nhằm đem lại lợi ích cho hữu tình, chúng ta nên học theo. Xin xem kinh:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Định Tự Tại Vương Bồ Tát: “Đế thính đế

43 Na Già là dịch âm tiếng Phạn chữ nāga, có nghĩa là rồng, voi, vô tội, bất lai. Đây là thuật ngữ để xưng tụng Phật hoặc bậc A La Hán. Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa chép: “Kinh Khổng Tước gọi Phật là Na Già, do Phật chẳng còn sanh tử”. Đại Trí Độ Luận quyển ba chép: “Ma Ha là lớn, Na là Vô, Già là Tội. A La Hán đã đoạn các phiền não, nên gọi là Đại Vô Tội”. Thiền Định của đức Phật cũng gọi là Na Già. Phẩm Thứ Tư: Nghiệp Cảm Của Chúng Sanh ở Cõi Diêm Phù - Tập 10 244

thính thiện tư niệm chi, Ngô đương vị nhữ phân biệt giải thuyết”. (Bấy giờ Thế Tôn bảo Định Tự Tại Vương Bồ Tát:
“Lắng nghe, lắng nghe, hãy khéo suy xét, Ta sẽ vì ông mà giải bày rõ ràng”.)

Bồ Tát đặt câu hỏi, Thế Tôn nhất định sẽ giải đáp, vả lại Thế Tôn biết câu trả lời này có thể đem lại lợi ích cho rất nhiều, vô lượng vô biên đại chúng chẳng có mặt lúc ấy. Trước lúc khai thị, những câu này giới khuyến Bồ Tát, nói thật ra chính là giới khuyến đại chúng hiện tiền chúng ta, phải “lắng nghe, lắng nghe, hãy khéo suy xét”, tám chữ này rất quan trọng. Chúng ta nghe có hiểu ý của Phật không then chốt ở tám chữ này. Trong bài khai kinh kệ nói: “Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”, nếu chẳng có tám

chữ này thì bạn sẽ rất khó giải nghĩa chân thật của Như Lai. “Đế” là gì? Đế là chân thành, dùng tâm chân thành để nghe. Chân thành là gì? Rời khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là “đế thính”; nói cách khác, lúc nghe pháp trong tâm chẳng được phép có vọng tưởng, được vậy thì gọi là lắng nghe. “Thiện tư niệm chi”, thiện tư tức là chỗ ngộ, sau khi nghe xong sẽ có chỗ ngộ, nhà Phật chúng ta gọi là khai ngộ, nghe pháp khai ngộ. Lắng nghe mới có thể khai ngộ, ngộ xong phải “niệm chi”, niệm là hạnh, “niệm tư tại tư” (niệm ở đâu thì chú tâm ở đó). Trong tám chữ này đều bao gồm cả tín, nguyện, hạnh, đều gói gọn trong ấy. Đây là tâm niệm, thái độ nhất định phải có khi nghe pháp, nếu chẳng có tâm này, chẳng có thái độ này thì giống như câu: “Nghe mà cũng như chưa nghe, nghe mà cũng như chẳng nghe”. Nghe pháp như vậy cũng giống như chẳng nghe gì cả, vậy thì uổng lắm.

Nãi vãng quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ na-do-tha, bất khả thuyết kiếp.
(Vào thuở quá khứ, vô lượng a-tăng-kỳ na-do-tha số kiếp chẳng
thể nghĩ bàn.)

Đây là nói về chuyện xưa của Địa Tạng Bồ Tát. Giới thiệu vị Bồ Tát này cho chúng ta, cho chúng ta nhận biết, hiểu rõ Địa Tạng Bồ Tát, sau đó chúng ta mới tin tưởng Ngài, mới chịu học theo Ngài. Phải nói rõ nhân duyên tu học đời quá khứ của Địa Tạng Bồ Tát, sự tích của Địa

Phẩm Thứ Tư: Nghiệp Cảm Của Chúng Sanh ở Cõi Diêm Phù - Tập 10 245

Tạng Bồ Tát trong vô lượng kiếp vĩnh viễn nói chẳng hết, chỉ có thể nêu ra vài chuyện trong những sự tích này. Đây là do Thích Ca Mâu Ni Phật nói cho chúng ta, một chuyện lúc Địa Tạng Bồ Tát vừa phát tâm, thời gian lúc ấy quá lâu rồi, chúng ta thường nói đây là con số thiên văn.

Nhĩ thời hữu Phật. (Lúc đó có đức Phật.)

Ở thời đại đó, trong những kiếp xa xôi, thời đó có một vị Phật.

Hiệu Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. (Hiệu là Nhất Thiết
Trí Thành Tựu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.)

Mười hiệu này trong nhà Phật là thông hiệu của chư Phật, mười hiệu này hiển thị trí huệ đức năng trên quả địa Phật. Khi thành Phật, chứng quả thì trí huệ, đức năng vô lượng vô biên, và xưng tán, tuyên thuyết chẳng hết. Phật đem vô lượng vô biên trí huệ, đức năng trên quả địa quy nạp thành mười loại, rồi dùng mười đức hiệu này để biểu thị. Mười đức hiệu này chúng ta nói sơ lược qua: “Nhất Thiết Trí Thành Tựu” là biệt hiệu của Phật, hết thảy trí huệ thành tựu rồi. Từ “Như Lai” trở về sau cả mười hiệu này là thông hiệu, mỗi vị Phật đều có mười danh hiệu này, đây là việc chư vị đồng tu phải ghi nhớ, phải hiểu, đừng hiểu lầm. Vì có nhiều người nói [và hỏi] các vị Phật, vị Phật nào lớn nhất? Như Lai Phật lớn nhất. Đây là một quan niệm sai lầm, coi tiểu thuyết

nhiều quá rồi, Tôn Ngộ Không chẳng nhảy ra khỏi bàn tay của Như Lai Phật. Mỗi vị Phật đều xưng là Như Lai, cho nên Như Lai là thông hiệu. Như Lai phải giải thích làm sao? Một cách nói đơn giản nhất, Phật hiện nay giống như cổ Phật tái lai nên gọi là Như Lai. Phật Phật đạo đồng, khi thành Phật rồi thì cái gì cũng bình đẳng, hoàn toàn tương đồng. Bồ Tát không thể giống Bồ Tát, chẳng hoàn toàn

giống nhau, Phật cùng Phật là hoàn toàn giống nhau, thế nên mới nói Phật ngày nay giống như cổ Phật tái lai. Nếu nói ý nghĩa đó sâu thêm, trong kinh Kim Cang có một cách giải thích "Như Lai giả, chư pháp như nghĩa", cách giải thích này rất hay. "Chư pháp như nghĩa", chữ như này là gì? Như chính là chân như bổn tánh. Tất cả hết thảy chư pháp và chân như bổn tánh đều tương ứng, đó gọi là Như Lai, ý nghĩa này nói vô cùng viên mãn, nếu từ mặt Lý mà nói. Nói như cổ Phật tái lai là nói từ mặt Sự. Còn rất nhiều ý nghĩa khác, chúng ta lược bớt. "Ứng Cúng", cúng là cúng dường, trong hết thảy mọi người, Phật là người thiện chân thật cứu cánh viên mãn, người có đại trí huệ cứu cánh viên mãn, đức năng to lớn, là gương tốt cho chúng ta, thầy tốt của chúng ta, đáng được chúng ta cúng dường; chúng ta cúng dường Ngài sẽ có phước báo. Thế nên mới gọi là Ứng Cứng, đáng được người, trời cúng dường. Thông hiệu thứ ba "Chánh Biến Tri", Tri là chẳng có gì không biết. Biến là phổ biến, chẳng có gì Ngài chẳng biết. Không những biến tri mà còn thực sự biến tri, những gì Ngài biết chẳng có gì sai lầm. Hết thảy kinh pháp do Phật nói đâu thể nào có sai lầm! Nếu có sai lầm đại khái đều vì người sau này dùng ý tứ riêng của mình sửa đổi nên mới sanh ra sai lầm. Thế nên kinh điển lưu thông đến ngày hôm nay, được phiên dịch trải qua mấy ngàn năm, thời cổ những bản viết tay khó tránh khỏi có chữ sai, bỏ sót câu văn, ngày nay chúng ta làm những việc này đều biết, là một chuyện rất khó khăn. Dù phát hiện có chữ nào đó trong kinh có thể chẳng đúng lắm, là chữ sai, chỗ nào đó có vấn đề, cũng tuyệt đối không thể sửa đổi. Nếu bạn phát hiện ra, có thể ghi chú ở kế bên, dùng cách ghi chú ở ven bìa, nguyên văn không thể sửa đổi. Đây là vì đạo lý gì? Tôi cảm thấy chỗ này không đúng nên tôi sửa một chút, bạn cảm thấy chỗ kia không đúng nên sửa một chút, vậy thì thôi rồi, thêm vài chục năm nữa cuốn kinh này hoàn toàn bị sửa đổi mất hết, chẳng thể đọc tụng được nữa. Thế nên cho dù có sai lầm cũng không thể sửa đổi, chỉ có thể chú thích thêm. Những đại đức từ xưa đến nay đã làm được rất hoàn hảo, họ phát hiện có chữ sai, chữ đó có thể là chữ gì hoặc chữ đó đáng lý phải là chữ gì, họ chú thích ở kế bên, chẳng sửa đổi nguyên văn, giữ bộ mặt sẵn có lúc ban đầu vĩnh viễn được lưu truyền mãi mãi, làm lợi ích cho hàng hậu học. Đây là một cách làm có trách nhiệm đối với lịch sử, đối với chúng sanh, chúng ta phải học theo, đây là Chánh Biến Tri. Một số tín đồ tôn giáo khen ngợi Thượng Đế là toàn năng, toàn tri, Chánh Biến Tri chính là toàn năng, toàn tri. Nói thật ra, Thượng Đế thật

chẳng phải toàn năng, toàn tri, Phật mới toàn năng toàn tri. Phật là ai? Phật là chân tâm bổn tánh của chúng ta, chân tâm bổn tánh của chúng ta mới thực sự là toàn năng, toàn tri. Vì tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là tâm tánh biến hiện mà ra, tâm

tánh làm gì không biết được, làm gì không nổi? Thế nên đây là một cách nói rất hợp lý. Nếu tâm tánh của chúng ta hoàn toàn thấu lộ ra rồi, hoàn toàn hiển thị ra, đối với quá khứ, vị lai của cả vũ trụ đích thật đều là chánh biến tri, đây chẳng phải giả. "Minh Hạnh Túc", túc là viên mãn, minh tượng trưng trí huệ, hạnh tượng trưng cho tu học, hai thứ đều viên mãn, đây là dùng danh từ Phật pháp để nói, tánh tu viên mãn. Minh là Bát Nhã trí huệ của tự tánh, là tánh đức; Hạnh là tu đức. Lúc còn chưa viên mãn thì gọi là Bồ Tát, đã viên mãn thì gọi là Phật. Cũng có thể xem như Giải Hạnh viên mãn, Minh là giải, Hạnh là tu hành, Giải Hạnh viên mãn. "Thiện Thệ", trong Đại Thừa kinh điển thường gọi là "Vô Trụ Niết Bàn". Vô Trụ Niết Bàn đích thật là Thiện Thệ, tại sao? Thiện này chẳng trụ sanh tử, chẳng trụ Niết Bàn, vậy mới gọi là Thiện. Phàm phu trụ sanh tử, chẳng thiện, chết rồi lại đầu thai, chẳng thiện. Nhị Thừa trụ Niết Bàn cũng chẳng thiện, đọa cái hố Vô Vi, chẳng khởi tác dụng. Phật cùng đại Bồ Tát là thiện vì sanh tử, Niết Bàn hai bên đều chẳng trụ, như vậy mới thực sự là Thiện Thệ. Chẳng trụ Niết Bàn nên Ngài tùy loại hóa thân, nên dùng thân gì để độ thì Ngài hiện thân ấy. Chẳng trụ sanh tử, tuy độ chúng sanh, tuy hóa hiện nhiều thân độ hết thảy chúng sanh, mảy trần chẳng nhiễm, trong tâm sạch sẽ, làm mà không làm, không làm mà làm. Cũng nói không những chẳng chấp trước trên sự tướng, trong tâm cũng chẳng lưu dấu vết, đây tức là chẳng trụ sanh tử. Chư vị phải biết, chẳng trụ sanh tử chính là trụ Niết Bàn, chẳng trụ Niết Bàn chính là trụ sanh tử. Ngài cả hai bên đều chẳng trụ, hai bên viên dung, chân chánh gọi là đại Niết Bàn, đây là đại Niết Bàn trên quả địa Như Lai; Đại Niết Bàn là cả hai bên sanh tử và Niết Bàn đều chẳng trụ. "Thế Gian Giải", "Thế Gian" quy mô nhỏ là lục đạo, mở rộng ra là thập pháp giới, mở rộng thêm nữa thế và xuất thế gian là tận hư không, trọn khắp pháp giới, Phật đều biết, chẳng có một việc gì Ngài chẳng hiểu, thế nên Ngài được xưng là Thế Gian Giải. "Vô Thượng Sĩ", "Sĩ" người hiện nay gọi là phần tử trí thức, thời xưa gọi là người đọc sách, đọc sách hiểu lý. Trong số người đọc sách, Ngài cao nhất, trên nhất, chẳng có ai cao hơn, trên Ngài; ngày nay nói trong số phần tử trí thức, Ngài đạt đến đỉnh chót vót, chẳng có ai cao hơn Ngài.

Phẩm Thứ Tư: Nghiệp Cảm Của Chúng Sanh ở Cõi Diêm Phù - Tập 10 248

"Điều Ngự Trượng Phu", danh hiệu này được kiến lập từ sự thiện xảo phương tiện trong việc giáo hóa chúng sanh của Ngài. Phật có trí huệ, có năng lực, có sự khéo léo, có thể điều phục tâm chúng sanh, có thể giúp chúng sanh đoạn ác tu thiện, đây là giống như giá ngự (cầm cương điều khiển). "Trượng phu" là đại trượng phu, cùng nghĩa với anh hùng, hoàn toàn tương đồng. Những gì người khác làm không nổi, Ngài có thể làm được, như vậy xưng là đại trượng phu. Ngài là Điều Ngự Trượng Phu có thể điều phục chúng sanh trong chín pháp giới, giúp họ giác ngộ, giúp họ đoạn phiền não, liễu sanh tử, xuất tam giới, thành Phật, làm Tổ; Phật có năng lực này. Đây là được kiến lập trên đức năng. "Thiên Nhân Sư", "Sư" là sư phạm (làm bậc thầy, làm gương mẫu). Hết thảy chư thiên, lấy một chữ Thiên, một chữ Nhân nghĩa là bao gồm hết cả lục đạo. Ngài là mô phạm, biểu suất (có nghĩa là nêu gương, dẫn đầu) cho hết thảy chúng sanh trong lục đạo, hết thảy chúng hữu tình trong thập pháp giới. "Phật", chữ này mọi người đều hiểu rõ, đều minh bạch, là chữ dịch âm từ Phạn văn Ấn Độ. Ý nghĩa là giác ngộ, hàm ý tự giác, giác tha. Tự mình giác ngộ, giúp người khác giác ngộ, giác hạnh viên mãn. Nếu

chỉ cầu tự giác, chẳng giúp người khác là Tiểu Thừa, A La Hán. Tự mình giác ngộ và giúp người khác giác ngộ là Bồ Tát. Nếu tự giác, giác tha đều viên mãn thì được gọi là Phật, đây chính là ý nghĩa của chữ Phật. Làm thế nào mới kể là viên mãn? Bồ Tát tự giác có thể viên mãn rồi, giác tha thì vẫn còn rất nhiều chúng sanh chưa được độ, vậy thì làm sao viên mãn? Chư vị phải biết, sự viên mãn này, Bồ Tát giác tha vẫn là giúp cho chính mình giác ngộ. Chúng ta thường nói thầy giáo dạy học trò, giáo học giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Đến lúc nào mới viên mãn? Trong quá trình giáo học, tuy thời gian chúng ta tự tu học chẳng dài, trong vòng mười mấy năm, mấy mươi năm, nhất định có sự thể hội. Chúng ta được một số học sinh, một số đến cật vấn, giúp đỡ cho chúng ta rất nhiều. Có một số vấn đề trọng đại, người ta không hỏi thì tự mình chẳng bao giờ nghĩ đến; một khi họ vừa hỏi, chúng ta mới nghĩ đến. Coi tự mình có trí huệ hay không? Có trí huệ có thể trả lời, không có trí huệ thì phải mau đi tìm tài liệu, đi thỉnh giáo người khác, đây là giúp đỡ chính mình, do đó giáo học đích thật giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Bồ Tát phải đoạn Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, phải phá căn bản Vô minh, nếu chẳng nhờ hết thảy chúng sanh giúp đỡ, họ cũng chẳng có biện pháp chi. Do đó trong quá trình dạy học, hết thảy chúng sanh giúp họ khai mở trí huệ, đoạn phiền não, thì họ mới chứng được Vô

Thượng Bồ Đề, như vậy gọi là viên mãn. Họ viên mãn xong thì mới có thể viên mãn độ hết thảy chúng sanh. Chúng sanh được độ phải nhờ duyên phận, Phật chẳng độ người vô duyên. Viên mãn trên sự độ chúng sanh, họ có khả năng độ Đẳng Giác chúng sanh thì gọi là viên mãn, họ thành Phật rồi. Bồ Tát chẳng thể gọi là viên mãn, tại sao? Đẳng Giác Bồ Tát có thể độ Thập Địa trở xuống, chẳng thể độ Đẳng Giác, vậy thì độ chúng sanh chẳng viên mãn, hóa tha chẳng viên mãn. Sau khi thành Phật, Ngài có năng lực dạy hết thảy chúng sanh, như vậy mới gọi là viên mãn, "giác hạnh viên mãn" là có ý nghĩa này. Có khả năng độ Đẳng Giác chúng sanh thì chẳng có gì không thể độ, độ chúng sanh viên mãn là như vậy. "Thế Tôn", đầy đủ mười đức hiệu kể trên thì được xưng là Thế Tôn. Người trong thế gian, xuất thế gian đều tôn trọng Ngài, tôn kính Ngài, Ngài có trí huệ và đức năng này nên được xưng là Thế Tôn. Giống như ngày nay chúng ta xưng người ta một cách khách sáo: Vị tôn kính. Tôn nghĩa là tôn kính, thêm chữ Thế Tôn tức là hết thảy chúng sanh đều tôn kính, ý này rất rộng, rất sâu.

Kỳ Phật thọ mạng lục vạn kiếp. (Thọ mạng của đức Phật đó là sáu vạn kiếp.)

Trong thời đại đó, thọ mạng của Phật dài, thọ mạng của người ta cũng dài, thọ mạng của Phật thị hiện nhất định giống đại chúng. Như Thích Ca Mâu Ni Phật ba ngàn năm trước xuất hiện ở thế gian này của chúng ta, lão nhân gia thị hiện bảy mươi chín tuổi viên tịch, chúng ta quen nói Phật trụ thế tám mươi năm, trên thực tế là bảy mươi chín tuổi. Nói đến tám mươi tuổi thì người Trung Quốc gọi là hư tuế44, tám mươi năm! Phật trụ thế tám mươi năm, giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm. Đây là đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện, rất giống với thọ mạng của con người ở thế gian này. Do đó có thể biết Nhất Thiết Trí Thành

44 Hư tuế là phương pháp tính tuổi truyền thống ở Trung Quốc: lúc trẻ con vừa sanh ra bèn tính một tuổi, sau đó mỗi tiết xuân lại thêm một tuổi. Cho nên cách tính này luôn luôn nhiều hơn cách tính thông thường 1 hoặc 2 tuổi (cách tính thường là giáp năm mới tăng 1 tuổi) Trẻ con vừa sanh ra bèn tính 1 tuổi vì tính luôn thời gian em bé nằm trong thai mẹ gần tròn một năm. Khi trẻ sanh ra vào khoảng tháng Chạp âm lịch, đến tiết xuân năm sau bèn tính thành 2 tuổi, do đó hư tuế sẽ lớn hơn cách tính thông thường đến 2 tuổi. Phẩm Thứ Tư: Nghiệp Cảm Của Chúng Sanh ở Cõi Diêm Phù - Tập 10 250

Tựu Như Lai, phước báo của chúng sanh thời đó lớn, thọ mạng dài. Từ đây có thể thấy được phước báo của chúng sanh ở địa phương đó, thời đại đó rất lớn.

Vị xuất gia thời vi tiểu quốc vương, dữ nhất lân quốc vương vi hữu, đồng hành thập thiện nhiêu ích chúng sanh. (Khi chưa xuất gia, Ngài
là vua một nước nhỏ và kết bạn với vua một nước lân cận, cùng thực hành thập thiện, làm lợi ích cho chúng sanh.)

Đây là kể chuyện của Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, lúc Ngài chưa xuất gia, thời gian này quá lâu xưa rồi. Ngài đã thành Phật, thành Phật phần lớn gọi là tu hành, từ phàm phu tu thành Phật trải qua một thời gian rất dài. Đây là nói về chuyện nhiều kiếp trước lúc Ngài còn tu nhân, Ngài là vua một nước nhỏ, làm bạn với vua nước lân cận, hai vị vua nước lân cận này vô cùng hiếm có, đều là vua rất tốt. “Đồng hành thập thiện, nhiêu ích chúng sanh”, họ dùng phương pháp gì để trị quốc? Dùng “thập thiện nghiệp đạo” để trị quốc, đây là việc vô cùng hiếm có. “Nhiêu ích”, ích là lợi ích. Vua luôn hy vọng nhân dân có đời sống tốt đẹp, nhân dân chân thật được lợi ích, hạnh phúc, mỹ mãn. Nhiêu nghĩa là phong nhiêu, không những đem lại lợi ích mà còn đạt đến rất phong phú, bất luận là trên đời sống vật chất, đời sống tinh thần, đều đạt đến mức đầy đủ, vậy mới gọi là nhiêu ích. Có thể thấy tâm của vua thiện phi thường.

Kỳ lân quốc nội sở hữu nhân dân đa tạo chúng ác. (Nhân dân trong
nước lân cận đa số tạo nhiều việc ác.)

Lân quốc là những quốc gia cùng ranh giới với họ, nhân dân những nước đó tạo tác ác nghiệp. Hai nước của họ thì tốt hơn, hai vùng đất đó tốt, vua dạy dân rất đàng hoàng. Quốc vương đời xưa, theo tiêu chuẩn của nhà Nho có ba điều: “Tác chi quân”, quân là quân chủ, là người lãnh đạo quốc gia. “Tác chi thân”, người lãnh đạo là cha mẹ của dân chúng, phải dùng tâm cha mẹ thương yêu con cái để đối đãi với dân

Phẩm Thứ Tư: Nghiệp Cảm Của Chúng Sanh ở Cõi Diêm Phù - Tập 10 251

chúng trong nước, thương dân như con, phải bảo hộ họ, dưỡng dục họ. Còn phải: “Tác chi sư”, là thầy giáo của nhân dân, gương tốt của nhân dân, khuôn mẫu của nhân dân. Vậy mới là một người lãnh đạo tốt nhất, làm cho nhân dân toàn quốc thực sự hưởng được phước báo. Hưởng phước của ai? Phước của người lãnh đạo, họ dạy được tốt. Cũng là nói về sư phạm, lúc trước chỗ vua ở gọi là Kinh Sư; Kinh nghĩa là lớn, Sư là sư phạm, thành thị mô phạm. Thành thị cả nước lấy Kinh Sư làm gương mẫu, mô phạm nên gọi là Sư. Danh xưng thật tốt, dụng ý thật hay, thế nên chúng ta đừng coi thường

việc chuyên chế của đế vương đời xưa, nếu bạn coi thường thì là sai lầm. Ngày nay chúng ta đến hoàng cung ở Bắc Kinh coi thử, chỗ làm việc trong hoàng cung gọi là đại điện, là nơi vua hội họp, tập hội làm việc, gọi là gì? Thái Hòa Điện. Phía sau Thái Hòa Điện là Trung Hòa Điện, sau đó là Bảo Hòa Điện, ba ngôi kiến trúc chính này: Thái Hòa, Trung Hòa, Bảo Hòa. Họ dùng tâm gì? Dùng tâm thái gì để đối với nhân dân toàn nước? Dùng "Hòa", trên dưới hòa mục, cả nước một luồng hòa khí, vậy thì quốc gia này đâu có lý nào chẳng hưng vượng được? Nhà Phật chúng ta nói về Lục Hòa, họ nói về Tam Hòa. Thánh nhân thế gian và xuất thế gian đều dạy "hòa là quý nhất", chúng ta phải hiểu ý này, thế nên đây thực sự là thánh chủ, hiền vương. Nếu người nối ngôi, con cháu đời sau, đều tuân thủ theo nguyên tắc này thì triều đại này sẽ vĩnh viễn truyền mãi đến đời sau, đâu thể diệt vong được? Người đời sau không tuân thủ, làm xằng làm bậy, quốc gia này bèn diệt vong, chánh quyền bị lật đổ, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Hai vị vua này tốt nên quốc gia của họ cũng tốt. Nhưng những quốc gia lân cận thì không vậy, nhân dân tạo ác, tạo tội thì đương nhiên phải chịu quả báo. Hôm nay đã hết giờ, chúng ta tạm ngưng ở đây.

Tập 11 (Số 14-12-11)

Lần trước giảng đến đoạn Định Tự Tại Vương Bồ Tát thưa hỏi Thế Tôn, Địa Tạng Bồ Tát nhiều kiếp đến nay đã phát nguyện gì mà được Thế Tôn ân cần tán thán, thỉnh Phật vì đại chúng khai thị. Thế Tôn nói với Định Tự Tại Vương Bồ Tát, trên thực tế thì Bồ Tát hỏi thay chúng ta, đức Phật bảo Định Tự Tại Vương Bồ Tát phải "lắng nghe" tức là dạy chúng ta phải dụng tâm nghe pháp, lắng lòng lãnh hội. Phật nói nhiều kiếp xa xưa về trước có một vị Phật hiệu là Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, thọ mạng của đức Phật là sáu vạn kiếp, từ đây có thể biết

Phẩm Thứ Tư: Nghiệp Cảm Của Chúng Sanh ở Cõi Diêm Phù - Tập 11 252

chúng sanh trong thời đại đó nhất định phải tu thiện đoạn ác nên mới cảm được quả báo thù thắng như vậy. Lúc Phật chưa xuất gia, Ngài là vua một nước nhỏ, cùng với vua một nước láng giềng là bạn thân, cả hai vị vua này đều dùng thập thiện để cai trị quốc gia, dạy dân chúng cả nước đoạn thập ác, tu thập thiện. Đương nhiên hai nước này đều quốc thái dân an, nhân dân đều rất hạnh phúc. Nhưng trừ hai nước này ra, những nơi khác không được như vậy, chúng sanh tạo ác nghiệp rất nhiều. Lúc hai vị vua nhìn thấy cục diện của cả thế giới, họ bèn bàn tính làm thế nào để giúp đỡ nhân dân của các quốc gia ấy. Chúng ta giảng đến chỗ này. Xin xem tiếp:

Kỳ lân quốc nội sở hữu nhân dân đa tạo chúng ác, nhị vương nghị kế quảng thiết phương tiện. (Nhân dân trong nước lân cận đó đa số tạo
nhiều việc ác, hai vua bèn bàn tính lập nhiều phương tiện.)

Làm thế nào để cứu vãn thế vận, hai vị quốc vương này hợp lại thương lượng.

Nhất vương phát nguyện tảo thành Phật đạo, đương độ thị bối linh sử vô dư. (Một vị vua phát nguyện sớm thành Phật đạo, để độ hết những
kẻ ấy, không bỏ sót một ai.)

Một vua phát nguyện, duy chỉ có thành Phật mới có khả năng rộng độ chúng sanh. Nếu chẳng thành Phật, tuy có nguyện này, nguyện này trái ngược với tâm, chúng ta thường nói: "Tâm có dư nhưng sức chẳng đủ", vẫn chẳng có cách gì. Nên phát tâm cầu đạo muốn thành Phật.

Nhất vương phát nguyện nhược bất tiên độ tội khổ, linh thị an lạc đắc chí Bồ Đề, ngã chung vị nguyện thành Phật. (Một vua thì nguyện
nếu tôi chẳng độ những kẻ tội khổ trước, làm cho họ được an vui, cho đến đắc quả Bồ Đề, thì tôi nguyện chưa thành

Phẩm Thứ Tư: Nghiệp Cảm Của Chúng Sanh ở Cõi Diêm Phù - Tập 11 253

Phật.)

Hai vị vua này phát nguyện chẳng giống nhau. Vị vua này phát nguyện chưa độ mình, độ chúng sanh trước. Đây là Bồ Tát phát tâm, chẳng vì mình, vì kẻ khác. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa chân thật của đoạn kinh này, chúng ta có thể phát nguyện chẳng độ mình, mà độ chúng sanh trước hay không? Nếu thực sự phát nguyện này, hết thảy đều vì chúng sanh, hết thảy vì Phật pháp, đích thật chẳng có Ta, "Ta và cái của Ta" (ngã và ngã sở) đều đoạn dứt hết, như vậy thì được, vậy thì không có vấn đề. Nếu vẫn còn nhân-ngã, thị-phi, được-mất, vậy thì không được. Nói cách khác, bạn sẽ chẳng thoát ra khỏi lục đạo. Phàm là con người mà nếu chưa thể thoát ly lục đạo thì nhất định phải giác ngộ. Từ vô thỉ kiếp đến nay, chúng ta tích lũy bao nhiêu tội nghiệp, đây là sự thật! Tội nghiệp chẳng phải chỉ tạo trong đời này mà thôi, tội nghiệp còn tích lũy từ nhiều đời nhiều kiếp đến nay, lẽ đâu chẳng đọa ác đạo cho được! Bạn nhất định sẽ đọa lạc. Lúc đọa lạc trong tam ác đạo, bạn lấy gì để độ chúng sanh? Thế nên chư vị phải biết, nhất định phải chứng được quả A La Hán trở lên mới có thể nói "Tôi độ chúng sanh trước, chúng sanh chẳng thành Phật thì tôi không thành Phật". Mức tối thiểu là quả A La Hán, thoát ly lục đạo luân hồi. Vào trong lục đạo chỉ là thị hiện, giúp đỡ chúng sanh. Cho đến khi mình thành Phật vẫn còn một thời gian dài, mình cứ thong thả độ chúng sanh trước, như vậy thì được. Tự mình phải có bản lãnh mới được, nếu chẳng có bản lãnh mà phát nguyện này thì cũng như không nguyện. Thế nên ở chỗ này chúng ta phải đặc biệt lưu ý, muôn vàn xin đừng hiểu lầm. Phương pháp thù thắng nhất đối với chúng ta, [do vì] nghiệp chướng tập khí của chúng ta quá nặng, ngay cả một phẩm phiền não chúng ta cũng chẳng có năng lực đoạn được, [cho nên] phương pháp hay nhất là phát tâm cầu sanh Tịnh Độ. Nói thật ra nếu chúng ta muốn tự mình tu hành chứng được quả A La Hán không đơn giản đâu, làm chẳng nổi, nhưng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì người người đều có thể làm được. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới có phải là liền thành Phật không? Không phải, một phẩm phiền não còn chưa đoạn, người vãng sanh đến Phàm Thánh Đồng Cư Độ phiền não chưa đoạn, nhưng được bổn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì, cộng thêm thiện lực của mình, tự mình phải có nguyện tâm, có một chút thiện lực, cùng chư Phật, Bồ Tát cảm ứng đạo giao, đến lúc ấy thì được. Tôi chẳng cần thành Phật gấp, [do] tôi nóng lòng muốn độ chúng sanh trước nên học theo Địa

Tạng Bồ Tát. Đó là vốn liếng của bạn, bạn được bổn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì thì có thể đến mười phương thế giới, nên dùng thân gì độ hóa thì thị hiện thân ấy. Địa Tạng Bồ Tát cũng vậy. Tôi đã kể chuyện vợ ông Châu Bang Đạo gặp Địa Tạng Bồ Tát mang hình tướng tỳ-kheo xuất gia, nên dùng thân gì để độ bèn thị hiện thân đó. Cần dùng thân Phật để độ, Địa Tạng Bồ Tát cũng có thể thị hiện tám tướng thành đạo, cũng có thể thị hiện dùng thân Phật. Cho nên điểm này chúng ta phải tìm hiểu rõ ràng, muôn vàn xin đừng hiểu lầm. Ở Đài Loan chúng tôi đã từng thấy một số pháp sư phát tâm, phát tâm rất lớn, nguyện chẳng thành Phật, nguyện đời đời kiếp kiếp ở thế gian này làm pháp sư độ chúng sanh. Tướng trạng của họ lúc mất chẳng được tốt, nói thật ra chẳng sánh bằng một người cư sĩ tại gia niệm Phật, người niệm Phật. Đã nhiều năm nay những tướng lành của cư sĩ tại gia niệm Phật vãng sanh, có người chẳng mang bệnh, biết trước thời giờ ra đi, đứng mà vãng sanh, ngồi mà vãng sanh, quá nhiều. Trong số pháp sư xuất gia một người cũng chẳng được. Việc này bạn không thể hiểu lầm, họ đích thật có năng lực, lúc còn làm vua, đây chỉ là thị hiện. Họ vốn là thân phận gì thì chúng ta không biết. Phật kể lại chuyện của hai vị vua này.

Phật cáo Định Tự Tại Vương: “Nhất vương phát nguyện tảo thành Phật giả, tức Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai thị. Nhất vương phát nguyện vĩnh độ tội khổ chúng sanh, vị nguyện thành Phật giả tức Địa Tạng Bồ Tát thị”.
(Phật bảo Định Tự Tại Vương Bồ Tát rằng: “Vị vua
phát nguyện sớm thành Phật ấy chính là đức Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, vị vua phát nguyện vĩnh viễn cứu độ chúng sanh tội khổ, nguyện chưa thành Phật chính là Địa Tạng Bồ Tát”.)

Địa Tạng Bồ Tát từ lũy kiếp đến nay luôn luôn phát nguyện, nguyện tâm ấy vĩnh viễn chẳng thoái thất, rất đáng cho chúng ta noi gương. Thế nên chúng ta thực sự muốn phát tâm thì phải học theo Địa Tạng Bồ Tát. Những Bồ Tát khác chẳng thể sánh bằng công đức thù thắng của Địa Tạng Bồ Tát. Trong kinh này Phật nói trừ Văn Thù, Phổ

Hiền, Quán Âm Bồ Tát, những Bồ Tát khác đều chẳng thể sánh bằng. Cho dù xét trên tâm nguyện thì Địa Tạng Bồ Tát hơn hẳn những đại Bồ Tát như Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền, nhưng trong Đại Thừa Phật pháp, như chúng ta được tiếp xúc đã lâu rồi thì biết hết thảy nguyện tâm của Bồ Tát chính là trí huệ đức năng trong tự tánh của chính mình. Nguyện tâm của mình giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn này đặc biệt mạnh mẽ, nói rõ pháp môn Địa Tạng thù thắng nhất trong hết thảy Bồ Tát pháp, đạo lý là ở chỗ này. Đặc biệt là hiện nay chúng ta thấy thế giới trước mắt, chúng sanh khổ nạn vô biên, vẫn không ngừng tạo tội nặng như cũ, chẳng biết quay về, mê mất tự tánh, khởi tâm động niệm không gì chẳng là tội, đều vì mình, vì lợi ích cá nhân, chẳng màng đến sự an toàn của xã hội. Cho dù học Phật, nhưng chẳng đoạn nổi tập khí tự tư tự lợi, chẳng chống nổi sự dụ hoặc của cảnh giới bên ngoài; bên ngoài vừa dụ hoặc thì bên trong phiền não lập tức khởi lên, Phật pháp gì cũng quên ráo trọi. Người học Phật còn

như vậy huống hồ là người chẳng học Phật. Thế nên thật ra ngày nay chúng ta nói nhất định phải noi gương Địa Tạng Bồ Tát, nên tuyên dương pháp môn Địa Tạng Bồ Tát. Nhất định phải bắt đầu từ bản thân mình, đoạn hết thảy điều ác, tu hết thảy điều thiện, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu tâm nguyện của chúng ta khẩn thiết, trước lúc sanh Tịnh Độ cũng được A Di Đà Phật, và hết thảy chư Phật Như Lai gia trì, làm cho chúng ta tiêu tai chướng, diệt tội, tăng trưởng trí huệ, tăng trưởng khả năng, có thể giảng kinh này được hoàn hảo, làm cho đại chúng thích nghe, sanh tâm hoan hỷ, hoan hỷ y giáo phụng hành. Trí huệ năng lực này chẳng phải của mình, mà do Phật lực gia trì, phàm phu nghiệp chướng sâu dày như chúng ta làm sao có khả năng này! Cho dù được chư Phật Như Lai gia trì, long thiên thiện thần ủng hộ, tự mình càng phải hân hạnh hơn, hết lòng nỗ lực hơn, đừng phụ lòng chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, phải làm cho hoàn hảo, đúng như pháp và viên mãn hơn nữa. Chúng ta học theo những phương hướng này thì sẽ không sai. Sau đây Thế Tôn lại kể thêm một chuyện lúc Địa Tạng Bồ Tát còn tu nhân, xin xem kinh:

Phục ư quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp. (Lại trong đời quá khứ vô lượng
a-tăng-kỳ kiếp về trước.)

Thời gian này càng nói càng xa.

Phẩm Thứ Tư: Nghiệp Cảm Của Chúng Sanh ở Cõi Diêm Phù - Tập 11 256

Hữu Phật xuất thế danh Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, kỳ Phật thọ mạng tứ thập kiếp. (Có một đức Phật ra đời hiệu là Thanh Tịnh Liên Hoa
Mục Như Lai, đức Phật đó thọ bốn mươi kiếp.)

Chúng ta xét từ thọ mạng liền biết người thời ấy thực sự là chẳng thể nghĩ bàn. Phía trước chúng ta thấy thọ mạng sáu vạn kiếp, chỗ này thì bốn mươi kiếp, đều tính bằng kiếp. Quay lại thử nghĩ về nhân gian chúng ta hiện nay, tuổi người trường thọ chẳng vượt hơn một trăm tuổi, số người chưa đến năm mươi tuổi bèn mất rất nhiều, quá nhiều. Nếu mỗi ngày chư vị xem những cáo phó đăng trên báo chí, người chưa đến năm mươi tuổi đã mất chẳng phải chỉ là phân nửa thôi đâu. Người xưa nói: “Nhân sinh thất thập cổ lai hy”, [người sống đến bảy mươi tuổi] đã là rất ít rồi. Hết thảy phước báo dùng thọ mạng để hiển thị, bạn thấy thọ mạng của chúng sanh dài, thọ mạng của Phật cũng giống như thọ mạng của chúng sanh, Ngài thị hiện nhất định phải thọ bằng người thời đó, chẳng đặc biệt hơn, bèn biết thời đại ấy, trí huệ đức hạnh của chúng sanh thời ấy cảm được phước báo [bao lớn]. Trong kinh điển Đại Thừa chúng ta có thể lãnh hội điều này rất sâu sắc, y báo chánh báo trang nghiêm từ tâm tánh biến hiện nên, tâm địa lương thiện hiện ra cảnh giới tốt, cảnh giới thiện, thù thắng. Tâm tánh chúng sanh chẳng thiện, tạo tác ác nghiệp thì hoàn cảnh y báo của chúng ta sẽ suy thoái, làm cho chúng ta cảm thấy thế gian này chẳng đáng lưu luyến, chẳng có nơi nào có thể làm cho người ta sanh tâm hoan hỷ. Truy tìm nguyên nhân căn bản tức là “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, tự làm tự chịu, làm sao có thể trách người khác được! Xin xem kinh văn:

Tượng pháp chi trung hữu nhất La Hán phước độ chúng sanh. (Trong thời Tượng Pháp có một vị La Hán phước đức cứu độ chúng sanh.)

Trong thời Tượng Pháp của đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, nghĩa là đức Phật đã nhập Niết Bàn, chẳng còn trụ trên thế gian nữa. Pháp vận của hết thảy chư Phật đều có ba thời kỳ: Chánh Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp, thọ mạng của Phật dài, đương nhiên pháp vận của Ngài

cũng dài. Thời Tượng Pháp là thời đại "tháp tự kiên cố".45

Nhân thứ giáo hóa, ngộ nhất nữ nhân tự viết Quang Mục, thiết thực cúng dường. (Nhân đi tuần tự giáo hóa, gặp một người nữ tên là Quang Mục, bày vật thực cúng dường.)

Trong thời Tượng Pháp, trong chùa chỉ khắc tạo hình tượng của Phật, hình tượng của Phật có thể giáo hóa hết thảy chúng sanh, cho nên công đức của việc tạo tượng rất lớn. Tuy có những cơ sở vật chất này nhưng nếu chẳng có thiện tri thức giảng kinh thuyết pháp, một số người nhìn thấy chùa, tháp, hình tượng Phật, Bồ Tát tuy đã trồng thiện căn nhưng thiện căn chẳng thể thành thục ngay trong đời này. Mắt của bạn nhìn thấy tượng Phật, tai nghe được danh hiệu của Phật, Bồ Tát, một phen lọt vào tai thì vĩnh viễn sẽ là hạt giống đạo. Trong đời này họ chẳng biết tu hành, tâm nguyện và lòng tin chẳng phát nổi nhưng hạt giống này đã được trồng xuống, hạt giống Kim Cang vĩnh viễn sẽ chẳng hư hoại. Nếu muốn hạt giống này thành thục sớm hơn thì phải có thiện tri thức giảng kinh thuyết pháp. Họ thấy tượng, biết ý nghĩa của tượng, nghe danh hiệu biết được ý nghĩa của danh hiệu, khởi lên lòng tin chân thật, thanh tịnh, phát lên nguyện hạnh giống Phật thì đời này họ sẽ thành tựu, công đức sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chẳng gặp thiện tri thức, chỉ nghe danh hiệu, nhìn thấy tượng, chẳng hiểu nghĩa kinh, chẳng thể phát tâm tu hành, lợi ích họ đạt được sẽ rất có hạn. Tuy có hạn, nói thật ra cũng chẳng thể nghĩ bàn. Cô Quang Mục bày phẩm vật cúng trước tượng Phật trong chùa.

La Hán vấn chi: "Dục nguyện hà đẳng?".

45 Trong thời Tượng Pháp, mọi người đều thích xây cất chùa tháp, con người chỉ muốn cầu phước chứ không cầu trí huệ giải thoát. Ở cõi Sa Bà chúng ta, năm trăm năm đầu tiên sau khi Phật diệt độ là thời kỳ "giải thoát kiên cố", lúc đó người tu hành chứng quả rất nhiều. Năm trăm năm thứ nhì là thời kỳ "thiền định kiên cố". Năm trăm năm thứ ba là thời kỳ "đa văn kiên cố". Đa văn nghĩa là chỉ chú trọng vào việc nghiên cứu, thảo luận kinh giáo, giảng kinh thuyết pháp mà chẳng chú trọng vào việc tu hành. Năm trăm năm thứ tư là thời kỳ "tháp tự kiên cố". Lúc đó chẳng còn tinh thần để thảo luận về Phật học, mọi người đều bận rộn công việc xây dựng chùa miếu. Năm trăm năm thứ năm là thời kỳ "đấu tranh kiên cố".

(Vị La Hán bèn hỏi: "Cô muốn cầu điều chi?".)

Trong thời Tượng Pháp có một vị La Hán, La Hán là một người xuất gia. Đây là một thiện tri thức trụ trong chùa độ hóa chúng sanh. Cô Quang Mục là một tín đồ trong chùa, hôm nay cô đến cúng Phật. La Hán hỏi cô: "Hôm nay cô đến thiết trai cúng dường, muốn cầu việc gì?".

Quang Mục đáp ngôn: "Ngã dĩ mẫu vong chi nhật tư phước cứu bạt, vị tri ngã mẫu sanh xứ hà thú?". (Quang Mục thưa rằng: "Ngày mẹ con mất, con có làm việc phước thiện hầu cứu vớt bà, nhưng chưa rõ mẹ con thác sanh về đâu?".)

Quả thật cô đến là có mục đích, đúng như ngạn ngữ có câu: "Vô sự chẳng đến điện Tam Bảo", cô đến chùa lạy Phật chắc chắn là trong tâm có mong cầu. Việc cô mong cầu cũng rất tốt, mẹ cô đã qua đời nên cô thiết trai để siêu độ. Pháp sư hỏi: "Trong tâm cô rất muốn biết mẹ cô đang ở đâu? Hiện nay thác sanh vào chốn nào?". "Hà thú" tức là cõi nào trong lục đạo. Do đó người làm con sau khi cha mẹ mất đi thường lo nghĩ về việc này, niệm niệm chẳng quên, đây là hiếu thảo. Thường có tâm nguyện làm thế nào để giúp đỡ người thân đã mất.

La Hán mẫn chi vi nhập định quán, kiến Quang Mục nữ mẫu đọa tại ác thú thọ cực đại khổ. (Vị La Hán cảm thương bèn nhập định quan sát thì thấy mẹ cô Quang Mục bị đọa vào đường ác, vô cùng khổ sở.)

Mẹ cô đọa vào địa ngục. Chư vị ở đây nghĩ coi, La Hán vẫn phải nhập định mới có thể thấy, nếu không nhập định thì chẳng thể thấy, đây là người có công phu định lực còn thấp. Người có công phu định lực cao chẳng cần nhập định, bạn vừa nói thì họ liền biết, liền thấy. Sau khi xuất định nói với cô cảnh giới Ngài thấy trong định. Chư vị phải biết tại sao lúc chưa nhập định thì chẳng thấy? Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Lúc chưa nhập định thì tâm tán loạn, tâm của La Hán thanh tịnh hơn tâm

chúng ta rất nhiều, chúng ta làm sao có thể sánh bằng! Công phu định lực của Ngài là Định bậc thứ chín, Tứ Thiền Bát Định thăng lên mức kế là Định bậc thứ chín, công phu định lực sâu như vậy mà không nhập định cũng không được, vẫn phải nhập định mới có thể nhìn thấy cảnh giới. Do đó mới biết tâm phàm phu chúng ta là tâm tạp loạn, tạp là xen tạp, loạn là chẳng định, tâm như vậy sẽ tạo thành rất nhiều chướng ngại. Chướng ngại này là gì? Ngày nay khoa học gia gọi là "thời không" (thời gian không gian nhiều chiều), không gian ba chiều, không gian bốn chiều, năm chiều cho đến vô số chiều. Thời không vốn chỉ có một, một này nhà Phật gọi là Nhất Chân pháp giới, tại sao Nhất Chân pháp giới biến thành vô lượng pháp giới? Trong nhà Phật chúng ta gọi là Pháp Giới, tức là cái mà khoa học gia gọi là thời không nhiều chiều (nhiều duy thứ khác nhau), không gian ba chiều là một giới hạn, không gian bốn chiều là một giới hạn, năm chiều, sáu chiều, mỗi cái có một giới hạn khác nhau, gây chướng ngại. Ngày nay chúng ta chỉ có thể nhìn thấy, tiếp xúc đến không gian ba chiều, còn bốn chiều, năm chiều chúng ta không thể tiếp xúc tới. Vô lượng vô biên pháp giới chúng ta chỉ có thể tiếp xúc đến pháp giới người. Chúng ta thấy một phần trong pháp giới súc sanh, còn một phần

thì vẫn chẳng thấy, chúng ta chỉ thấy một bộ phận nhỏ, tại sao? Bộ phận súc sanh này cũng cư trú trong không gian ba chiều, chúng ta có thể nhìn thấy. Nếu nó trụ ở không gian bốn chiều, năm chiều thì chúng ta sẽ chẳng thấy, là đạo lý như vậy. Còn nhập định, định là tâm thanh tịnh, tạm thời đè nén tâm tán loạn, sau khi đè nén thì không gian của họ sẽ được mở rộng, sẽ đột phá, định lực càng sâu thì không gian đột phá càng lớn. Định mức cạn có thể đột phá ba chiều, nhìn thấy bốn chiều, chúng ta nói người này có thần thông, có công năng khác thường. Công phu định lực cao hơn nữa thì có thể đột phá thêm một chiều, có thể nhìn thấy không gian năm chiều, là đạo lý như vậy. Hiện nay người Tây phương có một cuốn sách bán rất chạy, nói về những lời tiên đoán, gọi là Thánh Kinh Mật Mã, có lẽ quý vị có người đã xem. Người viết cuốn sách này rất khách quan, ông ta nói lời tiên đoán này, lời tiên đoán chính xác như vậy, vả lại sách này là do người ba ngàn năm trước viết. Ông ta (tức tác giả cuốn khảo luận về Thánh Kinh Mật Mã) khẳng định rằng [tác giả Thánh Kinh Mật Mã] chẳng phải là Thượng Đế. Ông ta nói: Nếu [tác giả] là Thượng Đế thì đáng lý phải có thể giải quyết vấn đề này, nhưng Thượng Đế không thể giải quyết vấn đề này, chỉ có thể nhắc nhở chúng ta rằng tai nạn này sẽ xảy ra. Do đó, có thể biết tác giả chẳng phải là Thượng Đế. Vì thế, ông ta suy đoán rằng

cuốn sách ấy chắc chắn do một người rất có trí huệ, có tâm từ bi viết ra. Cách nói này rất chính xác, đầu óc của ông ta rất sáng suốt, chẳng mê tín. Có người hỏi tôi, tại sao có thể nói chuyện ba ngàn năm sau rõ ràng, minh bạch như vậy được? Cổ đức từng nói với chúng ta lời tiên đoán có hai căn cứ, Trung Quốc cũng có không ít lời tiên đoán này. Trước kia lúc lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam còn tại thế, chúng tôi cũng đã từng hỏi thầy, thầy cũng nói giống như vậy. Thầy nói loại thứ nhất là Số Học, phần lớn là căn cứ vào Lý Số để suy đoán. Trung Quốc có rất nhiều lời tiên đoán là do Số Học suy đoán, căn nguyên của nó là Kinh Dịch. Kinh Dịch là Số Học cao sâu, Số Học là mẹ của Khoa học. Ở Trung Quốc rất thịnh hành những thứ coi bói, xem tướng, đều căn cứ trên Kinh Dịch, căn cứ trên Lý Số. Nhưng Lý Số là gián tiếp, chẳng phải là trực tiếp; nếu có một chút gì suy đoán chẳng đúng thì kết quả sẽ khác nhau. Nói cách khác, mức độ chính xác của nó có thể đạt đến năm chục, sáu chục, bảy chục phần trăm, chẳng hoàn toàn đúng. Tùy thuộc vào trình độ của người suy đoán mà sai khác như vậy. Nhưng nếu quán sát từ trong Định thì hoàn toàn khác hẳn, công phu định lực là cảnh giới Hiện Lượng, là họ đích thân nhìn thấy. Suy đoán thuộc về Tỷ Lượng46, công phu định lực không thuộc về Tỷ Lượng. Cho nên người viết Thánh Kinh Mật Mã này dùng công phu định lực, trong thiền định nhìn thấy. Trong thiền định có thể nhìn thấy chuyện ba ngàn năm trước, sau, không có gì kỳ lạ cả, chẳng có gì lạ lùng. Một ngày trên trời Đao Lợi bằng một trăm năm ở cõi người chúng ta, một tháng trên trời Đao Lợi bằng ba ngàn năm ở nhân gian chúng ta. Nếu cứ lên trên nữa thì càng dễ hơn. Một ngày ở cõi trời Dạ Ma bằng hai trăm năm ở cõi người, ba ngàn năm chỉ là mười lăm ngày. Lên cõi trời Đâu Suất, một ngày ở trời Đâu Suất bằng nhân gian bốn trăm năm. Do đó có

46 Tỷ Lượng (anumāna-pramāna): Là một thuật ngữ trong Nhân Minh Học, có nghĩa là sự hiểu biết do so sánh suy lường. Tỷ Lượng là dùng sự hiểu biết của chính mình để so sánh, cân nhắc cái mình chưa biết hòng sanh chánh trí quyết định. Tỷ Lượng được chia thành hai loại: 1. Tự Tỷ Lượng: Hạn cuộc trong lãnh vực tư duy, dùng sự hiểu biết của chính mình để nhận biết, cân nhắc, phán đoán sự vật. Nếu căn cứ vào hình tướng thì gọi là Tướng Tỷ Lượng, nếu căn cứ vào ngôn ngữ thì gọi là Ngôn Tỷ Lượng. Chẳng hạn như "thấy khói" liền nghĩ "chắc là do lửa đốt" đó là Tướng Tỷ Lượng; nghe người ta nói "đất nứt nẻ hết" liền suy nghĩ "nguyên nhân là vì trời hạn hán", đấy là Ngôn Tỷ Lượng. 2. Tha Tỷ Lượng: Sự hiểu biết, phán đoán do người khác dùng lời lẽ giúp cho mình thấu hiểu. Phẩm Thứ Tư: Nghiệp Cảm Của Chúng Sanh ở Cõi Diêm Phù - Tập 11 261

thể biết, nếu muốn đến cõi trời thứ sáu ở Dục Giới thì ba ngàn năm chẳng bằng một ngày của họ, chuyện một ngày thì làm sao họ không biết rõ ràng được? Dĩ nhiên là sẽ rõ ràng. Cho nên người viết sách này theo sự quan sát trong nhà Phật của chúng ta thì ông ta có công phu định lực. Công phu định lực có thể đột phá giới hạn của thời không, khoa học gia hiện nay hiểu được đạo lý này, họ thừa nhận, khẳng định. Nhưng hiện nay họ còn chưa tìm ra phương pháp làm thế nào có thể đi vào "đường hầm thời gian" của họ, làm thế nào có thể đi vào tương lai, hoặc đi về quá khứ. Họ hiểu trên lý luận có thể làm được nhưng hiện nay vẫn chưa tìm được kỹ thuật. Họ chẳng biết trong Phật pháp cổ xưa, thiền định chính là kỹ thuật này. Khi bạn nhập vào thiền định rất sâu thì có thể đi trở về quá khứ, và cũng có thể đi vào tương lai. Thánh Kinh Mật Mã là như vậy, cho nên mức chính xác của nó là một trăm phần trăm. Cục thế này có thể thay đổi hay không? Có thể. Cách nói này của ông ta rất trung thực, khẳng định tai nạn có thể hóa giải, dùng phương pháp gì để hóa giải? Dùng tâm con người. Nhân tâm có thể hướng thiện thì tai nạn này sẽ hóa giải. Có thể thấy ông ta cũng nhận định tâm hạnh thiện ác chính là mấu chốt để thay đổi hết thảy kiết hung, họa phước trên thế gian, cách nói này rất chính xác. Hiện nay cuốn sách này lưu hành rất rộng trên thế giới, có rất nhiều bản dịch dùng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Chúng tôi cũng thấy bản dịch chữ Trung Hoa tại Đài Loan, rất đáng để chúng ta cảnh giác. Chúng ta muốn cứu mình, cứu xã hội, cứu hết thảy chúng sanh, nhất định phải biết đoạn ác tu thiện. Vả lại, giáo học đoạn ác tu thiện chẳng gì hơn Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện. Cho nên Thế Tôn ở hội giảng kinh tại cung trời Đao Lợi này trao trọng trách giáo hóa chúng sanh trong đoạn thời gian dài đăng đẳng sau thời Mạt Pháp cho đến lúc Phật Di Lặc ra đời cho Địa Tạng Bồ Tát là chính xác vậy, chúng ta có thể hoàn toàn khẳng định. Địa Tạng Bồ Tát chủ trì việc giáo hóa, Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc sẽ hộ trợ Địa Tạng Bồ Tát. Giống như trong việc dạy học, Địa Tạng Bồ Tát là hiệu trưởng, lúc Phật chẳng tại thế thì Ngài đại diện cho Phật, hết thảy các Bồ Tát đến hỗ trợ Địa Tạng Bồ Tát, giúp đỡ Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa chúng sanh khổ nạn. La Hán nhập định, trong định đột phá giới hạn của không gian và thời gian, Ngài đã thấy địa ngục, thấy mẹ của cô Quang Mục đang thọ khổ trong địa ngục, chịu khổ cùng cực, sau khi xuất định [bèn]:

La Hán vấn Quang Mục ngôn: "Nhữ mẫu tại sanh tác hà hành

Phẩm Thứ Tư: Nghiệp Cảm Của Chúng Sanh ở Cõi Diêm Phù - Tập 11 262

nghiệp, kim tại ác thú thọ cực đại khổ?”. (La Hán hỏi
cô Quang Mục: “Mẹ cô lúc còn sanh tiền làm hạnh nghiệp gì mà hiện nay đang ở trong đường ác, thọ khổ cùng cực?)

Hỏi cô Quang Mục: “Lúc mẹ cô còn sống làm nghề gì? Hiện nay bà đang đọa địa ngục, rất khổ”.

Quang Mục đáp ngôn. (Cô Quang Mục trả lời.)

Cô Quang Mục thành thật trả lời, nói rõ ra.

Ngã mẫu sở tập. (Tánh thân mẫu con.)

“Tập” là tập tánh, điều ưa thích.

Duy hảo thực đạm ngư miết chi thuộc. (Chỉ thích ăn những loài cá, ba ba.)

Ngày nay gọi là hải sản, bà ta rất thích ăn đồ biển.

Sở thực ngư miết đa thực kỳ tử. (Ăn những loài cá, ba ba này, phần nhiều là
ăn trứng và con của các loài ấy.)

Đặc biệt thích ăn những thứ này.

Hoặc sao, hoặc chử, tứ tình thực đạm, kế kỳ mạng số thiên vạn phục bội. Tôn giả từ mẫn như hà ai cứu?

 (Hoặc chiên hoặc nấu, tha hồ mà ăn, nếu tính
đếm số sanh mạng đó thì đến hơn ngàn vạn. Xin tôn giả từ bi thương xót! Con phải làm thế nào để cứu mẫu thân?)

Ngày nay trong sự ăn uống chúng ta nói ăn thịt chẳng có tội, nói vậy có lý không? Nhất định phải giác ngộ! Thế nên đọc kinh này xong, hiểu rõ chân tướng sự thật thì làm sao dám ăn thịt chúng sanh. Đặc biệt là thích ăn trứng cá, thích ăn cá con, một chén thông thường như vậy có bao nhiêu sanh mạng, bạn nói sát nghiệp này nặng bao nhiêu, oán thù những chúng sanh bị giết hại này sâu dày bao nhiêu, chúng nó tình nguyện để cho bạn ăn sao? Nếu nói là [chúng nó] cam tâm tình nguyện lấy thịt này cúng dường cho bạn, thì nó là Bồ Tát, nó giác ngộ rồi, chẳng còn là chúng sanh nữa. Nếu là chúng sanh thì lúc bạn đi bắt nó, bạn thử quan sát kỹ xem, nó vùng vẫy, chẳng cam tâm để bạn bắt. Lúc bạn muốn làm thịt heo, bạn kêu con heo lại nói muốn làm thịt nó để ăn coi con heo có ngoan ngoãn cho bạn làm thịt không? Vừa nhìn thấy con dao là nó sợ hết hồn, mau mau chạy trốn rồi, nó biết bạn muốn làm thịt nó. Nó bị bạn bắt, bị bạn giết là vì nó chẳng có sức phản kháng, bạn biết lòng căm hận này sâu lắm hay không, kết oán thành thù. Người ta chẳng phải chỉ có đời này mà thôi, còn đời sau nữa, súc sanh cũng có đời sau, khi cơ duyên thành thục thì có lý nào không báo thù cho được! Chiến tranh trên thế gian từ đâu mà có? Phật dạy đều là từ sát sanh ăn thịt mà ra. Đức Phật đã từng nói: Muốn thế gian này vĩnh viễn không còn kiếp đao binh, chẳng có chiến tranh thì trừ phi chúng sanh không ăn thịt. Nếu chúng sanh không ăn thịt thì chiến tranh và tai nạn

trên thế gian này sẽ chẳng còn nữa. Nói cách khác, chúng sanh trên thế gian còn ăn thịt thì kiếp đao binh tuyệt chẳng thể tránh khỏi. Tại sao hiện nay mỗi lần chiến tranh xảy ra đều tàn khốc hơn trước? Oán nghiệp tích lũy quá sâu dày. Chỉ nói theo trí nhớ của chúng ta thì cảnh tượng người tử vong trong thế chiến lần thứ nhất và lần thứ nhì thảm khốc lắm, thế chiến thứ nhất còn nhẹ, lần thứ nhì nặng hơn rất nhiều, chiến tranh nguyên tử thứ ba sẽ thê thảm hơn nữa. Lời Phật dạy rất có lý. Ngày nay chúng ta tạo tội nghiệp cũng giống như mẹ cô Quang Mục vậy, "tứ tình thực đạm", mặc sức phóng túng, mạnh ăn hiếp yếu, chịu sao nổi! Cho nên "kế kỳ mạng số, thiên vạn phục bội", cả đời bà giết [loài vật] ăn thịt, nào phải chỉ một ngàn, một vạn sanh mạng thôi đâu, còn gấp nhiều lần như vậy, Phẩm Thứ Tư: Nghiệp Cảm Của Chúng Sanh ở Cõi Diêm Phù - Tập 11 264

đây là tội nghiệp bà đã tạo. Hai câu sau là mong cầu pháp sư làm sao cứu giúp bà. "Tôn giả từ mẫn", tôn giả tức là ngày nay chúng ta thường gọi là tôn kính. Pháp sư tôn kính, La Hán tôn kính, xin Ngài giúp đỡ, xin Ngài tìm cách cứu mẹ cô.

La Hán mẫn chi vi tác phương tiện. (La Hán thương xót bèn lập phương tiện.)

La Hán thấy cô là người con có hiếu, rất thương xót, dạy cô.

Khuyến Quang Mục ngôn: "Nhữ khả chí thành niệm Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, kiêm tố họa hình tượng tồn vong hoạch báo".
(Khuyên Quang Mục rằng: "Cô phải chí thành niệm đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai và vẽ đắp hình tượng, thì kẻ còn cùng người mất đều được phước báo".)

Câu này quan trọng ở ba chữ "chí thành niệm", dùng tâm chân thành để niệm Phật. Trong kinh này chúng ta thấy cách tiêu trừ tội nghiệp cực nặng, độ tội báo khổ nhất đều dạy pháp môn niệm Phật, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Tại sao trong kinh chẳng dạy cô niệm A Di Đà Phật? Lời Phật thuyết pháp đều là chân ngữ, thật ngữ, lời đúng như thật. Ở đây chúng ta có thể thấy đây là vô lượng kiếp về trước, đức Phật xuất hiện ở thế gian đó là Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai là bổn sư của họ. La Hán khuyên cô niệm đức bổn sư, tạo hình tượng của Phật thì phước này sẽ lớn lắm. "Tồn vong hoạch báo", tồn là [kẻ còn sống, chỉ] cô Quang Mục, cô còn sống cô tu phước, cô sẽ được phước báo; vong là [kẻ đã mất, chỉ] mẹ cô, mẹ cô cũng được phước báo. Dạy cô làm việc này. Đương nhiên La Hán giảng kinh thuyết pháp cho cô, nói rõ những đạo lý và chân tướng sự thật này, văn tự trong kinh điển được giản lược, chúng ta nhất định phải hiểu rõ.

Quang Mục văn dĩ tức xả sở ái, tầm họa Phật tượng nhi cúng

Phẩm Thứ Tư: Nghiệp Cảm Của Chúng Sanh ở Cõi Diêm Phù - Tập 11 265

dường chi, phục cung kính tâm bi khấp chiêm lễ.
(Quang Mục nghe xong liền từ bỏ những vật yêu thích, rồi tô vẽ hình tượng Phật để thờ cúng, và lại đem lòng cung kính khóc thương chiêm lễ.)

Cô Quang Mục y giáo phụng hành. “Xả sở ái”, sở ái là tài vật [mình ưa thích], phải dùng tài sản của chính cô để tạo tượng. Hiện nay tạo tượng dễ dàng hơn thời xưa rất nhiều, thời xưa tạo tượng chư vị phải biết hoàn toàn là đồ thủ công nghệ, làm rất chậm, điêu khắc phải dùng thời gian rất dài mới có thể làm thành một tượng hoàn hảo. Ngay cả việc vẽ tượng cũng chẳng dễ, vẽ một tượng Phật cũng cần rất nhiều ngày, đây là việc chúng ta đều biết. Hiện nay khoa học kỹ thuật phát đạt, tạo tượng Phật, điêu khắc tượng Phật có thể làm mô hình trước, ngày nay gọi là sản xuất hàng loạt, có thể cung cấp cho nhiều người thỉnh về cúng dường, phước này càng lớn hơn nữa. Vẽ tượng hiện nay có thể dùng ấn loát, có thể vẽ một bức hình Phật, Bồ Tát thật trang nghiêm, sau đó in cả vạn tấm, mấy trăm ngàn, mấy triệu tấm, thậm chí mấy chục triệu tấm, cho đại chúng cúng dường, thế nên người hiện đại tu phước dễ dàng hơn người xưa nhiều. Người hiện nay tạo nghiệp cũng dễ hơn thời xưa, nhưng tu phước cũng dễ hơn, đây là lời kinh Địa Tạng nói. Chúng sanh ở Diêm Phù Đề tuy tạo tội nghiệp rất dễ nhưng họ cũng dễ quay về. Thực sự có người khuyên họ, nói rõ cho họ nghe, họ quay về rất nhanh. Trong hết thảy chúng Bồ Tát, chẳng có ai thù thắng hơn Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát ứng hóa ở thế gian chúng ta tại Cửu Hoa Sơn, Quán Thế Âm Bồ Tát ứng hóa tại Phổ Đà Sơn, đối với người Trung Quốc chúng ta có duyên phần đặc biệt. Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú của pháp sư Thanh Liên thời vua Khang Hy vô cùng hoàn hảo, tuy văn tự sâu một chút, đối với người hiện nay mà nói, thật ra cũng rất tiện lợi cho chúng ta học quốc văn. Chúng ta xem chú giải kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện này như sách học quốc văn, vậy thì không tốt sao? Nếu sau này chúng ta có duyên phần kiếm được thời gian, giảng tường tận cuốn chú giải này một lần giống như giảng quốc văn vậy, làm cho chúng ta đối với văn tự, văn học Trung Quốc có thể nâng cao trình độ thêm. Đối với nội dung của kinh này có thể đi sâu thêm, nhận thức thấu triệt hơn, đối với đời sống, việc làm, đối sự, đãi người, tiếp vật chắc

Phẩm Thứ Tư: Nghiệp Cảm Của Chúng Sanh ở Cõi Diêm Phù - Tập 11 266

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.